

Số: 559/2024/QĐST-HNGĐ

G, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 528/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông PVT, sinh năm 1950; địa chỉ: Số 162 HT, thị trấn Y, huyện G, thành phố H.

- *Bị đơn*: Bà NTC, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 162 HT, thị trấn Y, huyện G, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông PVT, sinh năm 1950 và bà NTC, sinh năm 1952.

2. Công nhận sự thoả thuận của ông PVT và bà NTC, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Ông PVT và bà NTC cùng xác định ông bà có 04 con chung gồm: Chị PTH1, sinh năm 1980, chị PTH2, sinh năm 1983, chị PTH3, sinh năm 1989 và chị PTHT, sinh năm 1995. Hiện nay, chị H1, chị H2, chị H3 và chị T đều đã trưởng thành đủ 18 tuổi, không có nhược điểm gì về sức khỏe, tinh thần, ông Tuyên và bà Căn không yêu cầu đề nghị gì về vấn đề con chung nên Tòa án không xem xét.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Ông PVT và bà NTC không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của ông PVT chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số 0065686 ngày 11 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Hoàn trả ông PVT số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên (GCNKH số 31/2006);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc